

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 05-9-2023

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Thiệp

2. Bà Lý Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phụng - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cẩm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2023/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Bản Bon Nghè, xã Chiềng Ly, huyện TC, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lường V, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản Lạnh, xã Tông Lạnh, huyện TC, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lường V kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 12/7/2013, tại Ủy ban nhân dân xã Tông Lạnh, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2020 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn

trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Lò Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Lường V.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lường V có 02 (hai) con chung là cháu Lường Vu H, sinh ngày 11/8/2013 và cháu Lường Tiểu Mẫn, sinh ngày 22/9/2019. Hiện tại hai cháu Lường Vu H và Lường Tiểu Mẫn đang sống chung với anh Lường V.

Sau khi ly thân Lò Thị T về sống với bố, mẹ đẻ tại xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La. Chị Lò Thị T có nơi cư trú ổn định, chị Lò Thị T làm trồng trọt, chăn nuôi, thu nhập bình quân hàng tháng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.

Chị Lò Thị T nhất trí để anh Lường V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lường Vu H, sinh ngày 11/8/2013 và cháu Lường Tiểu Mẫn, sinh ngày 22/9/2019.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lường Vu H, sinh ngày 11/8/2013 và cháu Lường Tiểu Mẫn, sinh ngày 22/9/2019 mỗi tháng mỗi cháu 500.000 đồng cho đến khi cháu Lường Vu H và cháu Lường Tiểu Mẫn đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị T cam đoan không có nợ chung.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lường V trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lường V và chị Lò Thị T kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 12/7/2013, tại Ủy ban nhân dân xã Tông Lạnh, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống đến năm 2020 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, chị Lò Thị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh Lường V và chị Lò Thị T đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Anh Lường V xác định vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn chị Lò Thị T.

Về con chung: Anh Lường V và chị Lò Thị T có 02 (hai) con chung là cháu Lường Vu H, sinh ngày 11/8/2013 và cháu Lường Tiểu Mẫn, sinh ngày 22/9/2019. Hiện tại hai cháu Lường Vu H và Lường Tiểu Mẫn đang sống chung với anh Lường V. Anh Lường V đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lường Vu H và cháu Lường Tiểu Mẫn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lường V yêu cầu chị Lò Thị T cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Lường Vu H, sinh ngày 11/8/2013 và cháu Lường Tiểu Mẫn, sinh ngày 22/9/2019 mỗi tháng mỗi cháu 500.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lường V cam đoan không có nợ chung.

Đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Lò Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Thim giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Anh Lường V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Văn giữ nguyên ý kiến trong bản tự khai.

Tại biên bản xác minh ngày 15/8/2023: Tại bản Lạnh, xã Tông Lạnh, huyện TC, tỉnh Sơn La, chị Lò Thị T và anh Lường V có nơi cư trú ổn định. Quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn không nắm được. Chị Lò Thị T và anh Lường V đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Chị Lò Thị T và anh Lường V có 02 (hai) con chung là cháu Lường Vu H, sinh ngày 11/8/2013 và cháu Lường Tiểu Mẫn, sinh ngày 22/9/2019. Hiện tại cháu Lường Vu H và cháu Lường Tiểu Mẫn đang sống chung với anh Lường V. Tài sản chung, nợ chung: Không nắm được.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 04/8/2023, cháu Lường Vu H có nguyện vọng là ở với bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn anh Lường V.

Về con chung: Giao cháu Lường Vu H, sinh ngày 11/8/2013 và cháu Lường Tiểu Mẫn, sinh ngày 22/9/2019 cho anh Lường V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Lường Vu H, sinh ngày 11/8/2013 và cháu Lường Tiểu Mẫn, sinh ngày 22/9/2019, mức cấp dưỡng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)/ tháng/01 cháu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị T, anh Lường V cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị T phải chịu phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị T yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lường V có địa chỉ tại bản Lạnh, xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị T, bị đơn anh Lường V: Nguyên đơn chị Lò Thị T, bị đơn anh Lường V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lường V kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 12/7/2013, tại Ủy ban nhân dân xã Tông Lạnh, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lò Thị T và anh Lường V đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Chị Thim cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Lường V. Anh Lường V nhất trí ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Thim và anh Văn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Lò Thị T được ly hôn anh Lường V. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Chị Lò Thị T và anh Lường V có 02 (hai) con chung là cháu Lường Vu H, sinh ngày 11/8/2013 và cháu Lường Tiểu Mẫn, sinh ngày 22/9/2019. Hiện tại cháu Lường Vu H và cháu Lường Tiểu Mẫn ở cùng với anh Văn. Chị Lò Thị T nhất trí để anh Lường V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lường Vu H và cháu Lường Tiểu Mẫn, chị Thim tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lường Vu H và cháu Lường Tiểu Mẫn, mỗi tháng mỗi cháu 500.000 đồng cho đến khi cháu Lường Vu H và cháu Lường Tiểu Mẫn đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2023. Anh Lường V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lường Vu H và cháu Lường Tiểu Mẫn, anh Văn yêu cầu chị Thim cấp dưỡng nuôi con chung cháu Lường Vu H và cháu Lường Tiểu Mẫn mỗi tháng mỗi cháu 500.000 đồng cho đến khi cháu Lường Vu H và cháu Lường Tiểu Mẫn đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, tài liệu thu thập của Tòa án: chị Thim, anh Văn có nơi cư trú ổn định, hiện nay làm trồng trọt, chăn nuôi, có thu nhập. Hiện tại cháu Lường Vu H và cháu Lường Tiểu Mẫn đang ở với anh Văn.

Ý kiến cháu Lường Vu H có nguyện vọng là ở với bố.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần, cần giao cháu Lường Vu H, sinh ngày 11/8/2013 và cháu Lường Tiểu Mẫn, sinh ngày 22/9/2019 cho anh Lường V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị T có thu nhập bình quân mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, chị Thim tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lường Vu H, sinh ngày 11/8/2013 và cháu Lường Tiểu Mẫn, sinh ngày 22/9/2019, mức cấp dưỡng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)/ tháng/01 cháu, kể từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu Lường Vu H và cháu Lường Tiểu Mẫn đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là có căn cứ cần chấp nhận.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về tài sản riêng*: Không có.

[6] *Về nợ chung*: Chị Lò Thị T, anh Lường V cam đoan không có nợ chung.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn anh Lương V.
2. Về con chung: Giao cháu Lương Vu H, sinh ngày 11/8/2013 và cháu Lương Tiểu Mẫn, sinh ngày 22/9/2019 cho anh Lương V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Lò Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Lương Vu H, sinh ngày 11/8/2013 và cháu Lương Tiểu Mẫn, sinh ngày 22/9/2019, mức cấp dưỡng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)/tháng/01 cháu, kể từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu Lương Vu H và cháu Lương Tiểu Mẫn đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị Lò Thị T và anh Lương V không có nợ chung.

7. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0003447, ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La. Chị Lò Thị T phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T, anh Lương V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã Tông Lạnh, huyện TC;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Mai Xiêng